

Bản án số: 110/2018/HSST
Ngày: 06-11-2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN THANH KHÊ - TP ĐÀ NẴNG

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thế Quyết và ông Phạm Thuận.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Hoàng Yên Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Bách – Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 107/2018/HSST ngày 26 tháng 9 năm 2018 đối với các bị cáo:

1. T (tên gọi khác: N) - sinh ngày: 02/5/1994 tại Đà Nẵng

Nơi cư trú: Tổ 57, phường K, quận K, thành phố Đà Nẵng; nghề nghiệp: Lao động phổ thông; trình độ văn hóa: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông K (s) và bà M (s); tiền sự: Không.

Tiền án: Ngày 15/5/2015 bị Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng xử phạt 12 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản". Chấp hành xong hình phạt tù ngày 24/4/2016.

Nhân thân: Ngày 27/12/2011 bị Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng xử phạt 09 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản".

Bị cáo hiện đang tại ngoại (bị tạm giữ từ ngày 26/5/2018 đến ngày 29/5/2018), có mặt tại phiên tòa.

2. V - sinh ngày: 29/5/1995 tại thành phố Đà Nẵng.

Nơi cư trú: Tổ 88, phường K, quận K, thành phố Đà Nẵng; nghề nghiệp: thợ cắt tóc; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông K (s) và bà H (s); tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 25/4/2014 bị Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng xử phạt 09 tháng tù về tội "Hủy hoại tài sản". Chấp hành xong hình phạt tù ngày 11/02/2015.

Bị cáo hiện đang tại ngoại (bị tạm giữ từ ngày 24/5/2018 đến ngày 29/5/2018), có mặt tại phiên tòa.

- *Các bị hại:*

+ Bà L - Sinh năm: 1962; nơi cư trú: Số 49 đường K, phường Đ, quận K, thành phố Đà Nẵng (vắng mặt có lý do).

+ Ông T - Sinh năm: 1955; nơi cư trú: Số 19 đường L, phường K, quận K, thành phố Đà Nẵng (vắng mặt có lý do).

+ Chị T - Sinh năm: 1993; nơi cư trú: Số 217 đường T, tổ 84, phường K, quận K, thành phố Đà Nẵng (vắng mặt có lý do).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Chị H - Sinh năm: 1981; nơi cư trú: Số 747 đường V, tổ 15, phường Đ, quận K, thành phố Đà Nẵng (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Trong khoảng thời gian từ ngày 18/4/2018 đến ngày 17/5/2018, T đã cùng V tổ chức thực hiện 03 (ba) vụ trộm cắp tài sản trên địa bàn quận K, thành phố Đà Nẵng, cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: T do có nhiều lần đi ngang qua trước số nhà 49 đường K, phường Đ, quận K nên T để ý thấy ngôi nhà này có hàng rào thấp, có thể dễ dàng đột nhập vào trộm cắp tài sản. Ngày 16/4/2018, T gặp V bàn bạc, chuẩn bị công cụ để trộm cắp tài sản. T nói V mua găng tay và khẩu trang để cả hai sử dụng trong quá trình trộm cắp. Đến khoảng 01h đêm 18/4/2018, với mục đích trộm cắp tài sản đã có trước, V cùng T đón xe taxi hãng S đi đến đầu đường K thì dừng lại xuống đi bộ đến nhà chị L, T và V đeo găng tay, mang khẩu trang bịt mặt vào rồi T nói V đứng ngoài cảnh giới để T trèo hàng rào vào bên trong nhà trước. Một lúc sau, V cùng vào trong nhà. Cả hai lấy được các tài sản gồm 04 chiếc điện thoại hiệu Iphone (*01 điện thoại Iphone 7 Plus, 02 Iphone 6s Plus; 01 Iphone 4*); 01 bộ kỷ niệm chương của ngân hàng Viettinbank, màu vàng; 100 Đô la Mỹ; số tiền 12.500.000đ (*mười hai triệu năm trăm nghìn đồng*); 01 đôi giày hiệu Adidas màu xám; 01 đôi dép sandal; 02 cái đồng hồ đeo tay (*01 cái màu vàng hiệu A/X Armani Exchange, 01 cái màu trắng hiệu Gucci*); 01 máy ảnh hiệu Pentax màu đen và lấy thêm 01 túi xách màu đen để bỏ tất cả tài sản trộm cắp được rồi cả hai trốn thoát. Sau khi trộm cắp, T đưa cho V 01 cái đồng hồ màu vàng hiệu A/X ARMANI EXCHANGE và 01 đôi dép sandal; đối với 04 điện thoại Iphone T bán cho một người mua hàng (*chưa rõ lai lịch*) tại đường H, thành phố Đà Nẵng. Số tiền có được, T chia cho V 10.050.000 đồng, còn lại T tiêu xài hết. Đối với chiếc đồng hồ hiệu Gucci thì T giữ lại để sử dụng, khi đầu thú T đã tự nguyện giao nộp lại cho cơ quan điều tra. Đối với các tài sản bao gồm 01 bộ kỷ niệm chương của ngân hàng Viettinbank, 01 đôi giày hiệu Adidas màu xám; 01 máy

ảnh hiệu Pentax màu đen 01 túi xách màu đen, T mang về nhà tại tổ 57, phường K, quận K, thành phố Đà Nẵng cất giấu.

Ngày 24/5/2018, Cơ quan CSĐT Công an quận Thanh Khê đã tiến hành khám xét nhà ở của T và thu giữ 01 bộ kỷ niệm chương của ngân hàng Viettinbank, 01 đôi giày hiệu Adidas màu xám; 01 máy ảnh hiệu Pentax màu đen 01 túi xách màu đen. Còn chiếc đồng hồ hiệu A/X Armani Exchange, vì thiếu tiền nên V đem đến tiệm cầm đồ H (địa chỉ: Số 747 đường V, phường Đ, quận K, thành phố Đà Nẵng) cầm cố cho chị H được số tiền 500.000 (*năm trăm nghìn đồng*) rồi tiêu xài hết. Đối với đôi dép Sandal, vì thấy không sử dụng được nên V khai đã vứt bỏ vào thùng rác gần nhà (*không thu hồi được*).

Theo các Bản kết luận định giá tài sản ngày 25/5/2018, ngày 30/6/2018 và ngày 04/7/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự quận Thanh Khê xác định điện thoại di động hiệu Iphone 7 Plus, màu đen có giá trị 8.300.000đ; điện thoại di động hiệu Iphone 6S Plus màu đen có giá trị 6.900.000đ; điện thoại di động hiệu 6S Plus màu trắng có giá trị 7.100.000đ; điện thoại di động hiệu Iphone 4 màu đen có giá trị 400.000đ; đồng hồ đeo tay hiệu Gucci màu trắng có giá trị 1.600.000đ; đồng hồ đeo tay hiệu A/X Armani Exchange màu vàng có giá trị 700.000đ; đôi giày hiệu Adidas có giá trị 30.000đ; máy ảnh hiệu Pentax màu đen có giá trị 100.000đ; 100 đô la Mỹ có giá trị 2.248.200đ. Đối với các tài sản bao gồm: 01 bộ kỷ niệm chương ngân hàng Viettinbank màu vàng; 01 đôi dép hiệu Sandal; 01 túi xách hiệu Bom màu đen thì Hội đồng định giá tài sản không xác định được giá trị đồng thời chị L xác định các tài sản này không còn giá trị và không yêu cầu đền bù gì thêm. Như vậy tổng giá trị tài sản mà T và V trộm cắp là 39.878.200đ (*ba mươi chín triệu tám trăm bay mươi tám nghìn hai trăm đồng*).

Vụ thứ hai: Khoảng 01 giờ đêm 15/5/2018, T và V đeo khẩu trang bịt mặt và găng tay đã chuẩn bị từ trước rồi cùng nhau đột nhập vào nhà ông T trộm cắp được 01 (một) đồng hồ đeo tay, 01 (một) thắt lưng, 01 (một) áo da và số tiền 1.000.000đ (*một triệu đồng*). Số tiền trộm được, T và V chia nhau mỗi người 500.000đ để tiêu xài cá nhân. Các tài sản còn lại bao gồm 01 đồng hồ đeo tay; 01 thắt lưng và 01 áo da T và V khai do thấy đã cũ và không sử dụng được nên cả hai vứt tại bờ kênh đầu cầu B, phường K, quận K, thành phố Đà Nẵng (*không thu hồi được*).

Theo Bản kết luận định giá tài sản ngày 30/6/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự quận Thanh Khê xác định các tài sản 01 (*một*) đồng hồ đeo tay, 01 (*một*) thắt lưng, 01 (*một*) áo da do không thu hồi được và không xác định được nhãn hiệu nên không có cơ sở để định giá. Tuy nhiên, theo ông T khai tại thời điểm bị mất các tài sản gồm đồng hồ đeo tay; thắt lưng và áo da trên có giá trị là 2.000.000đ (*hai triệu đồng*).

Các bị cáo T và V thừa nhận giá trị đối với các tài sản tại thời điểm bị mất mà anh ông T yêu cầu, đồng thời đã bồi thường cho ông T tổng số tiền 3.000.000đ.

Vụ thứ ba: Khoảng 01h ngày 17/5/2018, T và V đi ngang qua trước số nhà 217 đường T, phường K, quận K, cả hai phát hiện không có người bên trong nên V đứng ngoài cánh giới còn T đột nhập vào trong nhà lấy trộm được 01(một) máy tính xách tay hiệu Toshiba và 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 6S của chị T. Sau đó, T đem bán chiếc điện thoại Iphone cho một người (*chưa rõ lai lịch*) được số tiền 600.000đ rồi cả hai chia nhau tiêu xài hết còn chiếc máy tính xách tay do thấy không sử dụng được nên V khai đã vứt bỏ vào thùng rác gần nhà (*không thu hồi được*).

Theo Kết luận định giá tài sản ngày 30/6/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự quận Thanh Khê xác định điện thoại di động hiệu Iphone 6S có giá trị 3.150.000đ (*ba triệu một trăm năm mươi nghìn đồng*). Đối với chiếc máy tính xách tay hiệu Toshiba mua vào năm 2008 đã hết khấu hao tài sản nên không có cơ sở để định giá. Tuy nhiên theo chị T khai tại thời điểm bị mất chiếc máy tính xách tay có giá trị 2.000.000đ (*hai triệu đồng*). Các bị cáo thừa nhận giá trị đối với các tài sản tại thời điểm bị mất mà chị T đã trình bày, đồng thời bồi thường cho chị T tổng số tiền 5.150.000đ.

Qua trình điều tra, T và V đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã nêu trên (*các BL số: 100-105, 107-120; 126-129; 130-140*).

Vật chứng tạm giữ (*các BL số: 45; 100; 143; 166*) bao gồm:

- 01 (một) đồng hồ hiệu A/X Armani Exchange, màu vàng (*thu tại tiệm cầm đồ H*);
- 01 (một) đồng hồ hiệu Gucci, màu trắng; (*do T giao nộp*);
- 01 (một) phiếu cầm đồ (*do V giao nộp-hiện lưu giữ tại hồ sơ vụ án*);
- 01 (một) đôi giày hiệu Adidas Ultra Boost, màu xám; 01 (một) máy chụp ảnh hiệu Pentax, màu đen; 01 (một) bộ kỷ niệm chương của ngân hàng Viettinbank, màu vàng; 01 (một) túi xách màu đen (*thu giữ khi khám xét chỗ ở của T*).

Ngày 10 tháng 8 năm 2018, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng trả lại các tài sản 01 (một) đồng hồ hiệu Gucci, màu trắng; 01 (một) đôi giày hiệu Adidas Ultra Boost, màu xám; 01 (một) máy chụp ảnh hiệu Pentax, màu đen; 01 (một) bộ kỷ niệm chương của ngân hàng Viettinbank, màu vàng; 01 (một) túi xách màu đen cho chị L là chủ sở hữu hợp pháp (*BL: 67*).

Bị hại chị L xác định đã nhận lại một số tài sản bị mất và không yêu cầu các bị cáo bồi thường đối với các tài sản bị chiếm đoạt không thu hồi lại được. Đồng thời, yêu cầu xử lý trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo theo quy định pháp luật.

Đối với bị hại ông T và chị T đã được các bị cáo bồi thường trong quá trình điều tra nên không có yêu cầu bồi thường gì thêm. Ngoài ra, ông T và chị T có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị H trình bày vì không biết chiếc đồng hồ bị cáo V có được là do phạm tội mà có nên mới cầm cố. Chị H đã được các bị cáo trả lại số tiền 500.000đ và không có yêu cầu gì thêm.

Từ những nội dung trên tại Cáo trạng số: 110/CT-VKS-TK ngày 21 tháng 9 năm 2018 của Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng đã truy tố các bị cáo T, V về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm a khoản 2 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng giữ nguyên Cáo trạng đã truy tố các bị cáo và đề nghị:

- + Tuyên bố các bị cáo T, V phạm tội "Trộm cắp tài sản".
- + Áp dụng: Điểm a khoản 2 Điều 173, điểm b, r, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, các điểm g, h khoản 1 Điều 52, Điều 17 của Bộ luật hình sự đề nghị xử phạt bị cáo T từ 36 (*ba mươi sáu*) tháng đến 42 (*bốn mươi hai*) tháng tù.
- + Áp dụng: Điểm a khoản 2 Điều 173, điểm b, r, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 17 của Bộ luật hình sự đề nghị xử phạt bị cáo V từ 30 (*ba mươi*) tháng đến 36 (*ba mươi sáu*) tháng tù.
- + Về xử lý vật chứng: Các vật chứng thu giữ trong quá trình điều tra đã được Cơ quan cảnh sát điều tra xử lý trả lại cho bị hại là có cơ sở nên VKS không đề cập.
- + Về trách nhiệm dân sự: Các bị hại đã nhận lại được tài sản, được bồi thường và không yêu cầu bồi thường gì thêm nên Viện kiểm sát không đề cập đến.
- + Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.
- + Đối với chị H có hành vi cầm cố 01 đồng hồ đeo tay cho bị cáo V nhưng chị H không biết đó là tài sản mà bị cáo V có được do phạm tội mà có nên Cơ quan Cảnh sát điều tra không xử lý, Viện kiểm sát không đề cập.

Tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo T và V thừa nhận đã thực hiện hành vi phạm tội đúng với nội dung Cáo trạng truy tố các bị cáo. Các bị cáo đề nghị HĐXX xem xét để giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Lời khai nhận của các bị cáo tại phiên tòa hôm nay phù hợp với lời khai của các bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cũng như các chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Do vậy, HĐXX có đủ cơ sở để khẳng định: Vào khoảng 01 giờ các ngày 18/4/2018, 15/5/2018 và ngày 17/5/2018, lợi dụng lúc mọi người đang ngủ các bị cáo T và V đeo găng tay, khẩu trang che mặt và cùng nhau thực hiện 03 vụ trộm cắp trên địa bàn quận K, chiếm đoạt của bà L, ông T và chị T được: 13.500.000đ tiền mặt, 100 đô la Mỹ, 05 điện thoại di động hiệu Iphone, 01 máy tính

xách tay hiệu Toshiba, 03 đồng hồ đeo tay các loại, 01 đôi giày hiệu Adidas, 01 máy ảnh hiệu Pentax màu đen, 01 bộ kỷ niệm chương ngân hàng Viettinbank màu vàng; 01 đôi dép hiệu Sandal; 01 túi xách hiệu Bom màu đen, 01 (một) thắt lưng, 01 (một) áo da. Tổng giá trị các tài sản mà các bị cáo chiếm đoạt là 48.028.200đ (*bốn mươi tám triệu không trăm hai mươi tám nghìn hai trăm đồng*).

[2] Hành vi nêu trên của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại Điều 173 của Bộ luật hình sự. Đây là vụ án thuộc trường hợp đồng phạm có tổ chức, thể hiện sự cấu kết chặt chẽ giữa các bị cáo khi thực hiện hành vi phạm tội thông qua sự bàn bạc, thống nhất, chuẩn bị công cụ phạm tội trước khi thực hiện hành vi phạm tội, đến thời điểm thực hiện hành vi phạm tội có sự phân công vai trò người cảnh giới và người thực hiện tội phạm. Do đó, các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 173 của Bộ luật hình sự. Vì vậy, Cáo trạng số: 110/CT-VKS-TK ngày 21 tháng 9 năm 2018 của Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng đã truy tố các bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[3] Xét về tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội của từng bị cáo thì thấy: Các bị cáo là người trưởng thành, có đủ sự nhận thức và hiểu biết nhưng vì sự tham lam của bản thân mà xem thường pháp luật, nhiều lần thực hiện hành vi phạm tội xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật hình sự bảo vệ. Trong vụ án, các bị cáo đã 03 lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, giá trị tài sản mỗi lần bị chiếm đoạt đều trên 2.000.000đ triệu đồng nên các bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự. Bị cáo T là người khởi xướng, lôi kéo bị cáo V thực hiện tội phạm, bị cáo T phân công bị cáo V mua gang tay, khẩu trang và cảnh giới để bị cáo T trực tiếp thực hiện hành vi trộm cắp tài sản. Sau khi chiếm đoạt được tài sản, bị cáo T là người mang tài sản đi tiêu thụ và phân chia tài sản chiếm đoạt cho bị cáo V. Như vậy, bị cáo T có vai trò lớn hơn nên hành vi phạm tội của bị cáo T có tính chất, mức độ nguy hiểm cao hơn.

[4] Xét về nhân thân của mỗi bị cáo thì thấy: Các bị cáo đều có nhân thân xấu, đã từng bị kết án về các tội xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác nhưng vẫn không chịu rèn luyện, sửa chữa mà tiếp tục phạm tội. Đối với bị cáo T đã 02 lần bị kết án về tội "Trộm cắp tài sản", tại bản án số 61/2015/HSST ngày 15/5/2015 của Tòa án nhân dân quận Thanh Khê xác định bị cáo thuộc trường hợp tái phạm. Tuy nhiên, lần bị kết án đầu tiên vào ngày 27/12/2011 bị cáo là người chưa đủ 18 tuổi nên đương nhiên được xóa án tích theo quy định tại khoản 1 Điều 107 của Bộ luật hình sự, đây là quy định mới có lợi cho bị cáo nên lần này phạm tội này vẫn thuộc trường hợp "Tái phạm". Vì thế bị cáo T phải chịu tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự.

[5] Xét thấy đối với các bị cáo cần phải áp dụng một hình phạt nghiêm, cách ly ra khỏi xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục riêng và phòng ngừa tội phạm chung. Trong đó, bị cáo T phải chịu mức hình phạt nặng hơn so với bị cáo V.

[6] Tuy nhiên, trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay các bị cáo đã thành khẩn khai báo, biết ăn năn hối cải; tại cơ quan điều tra, các bị cáo đã tự khai ra hành vi phạm tội chưa bị phát hiện trước đó; các bị cáo đã bồi thường thiệt hại cho các bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; được bị hại xin giảm nhẹ hình phạt. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, r, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự mà Hội đồng xét xử đã xem xét áp dụng khi lượng hình đối với các bị cáo. Riêng bị cáo T trong quá trình điều tra vụ án đã đến cơ quan Cảnh sát điều tra đầu thú nên được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

[7] *Về trách nhiệm dân sự:* Các bị hại đã nhận được tài sản, đã được bồi thường và không có yêu cầu bồi thường gì thêm nên VKS không đề cập, HĐXX không xem xét.

[8] *Về xử lý vật chứng:* Các vật chứng thu giữ trong quá trình điều tra đã được Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Thanh Khê xử lý vật chứng trả lại cho bị hại là có căn cứ, VKS không đề cập nên HĐXX không xem xét.

[9] *Về án phí:* Án phí hình sự sơ thẩm mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) theo quy định tại Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[10] Ngoài ra, trong vụ án này chị H có hành vi cầm cố 01 đồng hồ đeo tay cho bị cáo V nhưng chị H không biết đó là tài sản mà bị cáo V có được do phạm tội mà có nên Cơ quan Cảnh sát điều tra không xử lý, Viện kiểm sát không đề cập là phù hợp.

[11] Trong giai đoạn điều tra và truy tố, những người tham gia tố tụng không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi tố tụng, quyết định tố tụng. Điều tra viên và Kiểm sát viên đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Như vậy, hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên là hợp pháp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào: Điểm a khoản 2 Điều 173, các điểm b, r, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, các điểm g, h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự; Điều 136 của Bộ luật tố

tụng hình sự và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

1. Tuyên bố: Các bị cáo T và V phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

- Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 173, các điểm b, r, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, các điểm g, h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo T 42 (*bốn mươi hai*) tháng tù, nhưng được trừ đi 04 ngày tạm giữ (từ ngày 26/5/2018 đến ngày 29/5/2018), còn lại 41 (*bốn mươi một*) tháng 26 (*hai mươi sáu*) ngày tù bị cáo phải chấp hành; thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

- Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 173, các điểm b, r, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, các điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo V 30 (*ba mươi*) tháng tù, nhưng được trừ đi 06 ngày tạm giữ (từ ngày 24/5/2018 đến ngày 29/5/2018), còn lại 29 (*hai mươi chín*) tháng 24 (*hai mươi bốn*) ngày tù bị cáo phải chấp hành; thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

2. Về án phí: Mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (*hai trăm nghìn đồng*) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 06/11/2018). Riêng các bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND quận Thanh Khê;
- VKSND TP. Đà Nẵng;
- CQ CSĐT CA quận Thanh Khê;
- CCTHADS quận Thanh Khê;
- Các bị cáo, các bị hại, đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Đức Tuấn